

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN GIẢM, CẤP BÙ HỌC PHÍ THEO ND 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ
TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 30/Đ.10Đ - UBND, ngày 29 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tương được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số thân g	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường MN xã Thanh Nưa											
1	Quảng Trúc An		2019	MGL A	Thái	Quảng Văn Tuấn	Bản Mến - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
2	Tòng Khải An	2019		MGL A	Thái	Tòng Văn Hùng	Quai Tở, Tuấn Giáo	100%	25.000	4	100.000
3	Vì Tuấn Anh	2019		MGL A	Thái	Vì Văn Tình	Bản Hua Nả - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
4	Cà Bảo An	2019		MGL A	Thái	Cà Văn Trường	Bản Nà Lốm- Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
5	Nguyễn Hoàng Bảo Anh		2019	MGL A	Kinh	Nguyễn Thị Nga	Phiêng Ban - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
6	Lò Duy Bảo			MGL A	Thái	Lò Văn Đức	Hồng Lạnh - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
7	Phạm Thị Thảo Chi		2019	MGL A	Kinh	Phạm Duy Minh	Độc lập - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
8	Cà Thị Thảo Chi		2019	MGL A	Thái	Cà Văn Xuân	Bản Nà Lốm- Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
9	Ngân Châu Ánh Dương		2019	MGL A	Thái	Ngân Văn Tâm	Hồng Lạnh - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
10	Lò Mạnh Dũng	2019		MGL A	Thái	Lò Văn Lâm	Hồng Lạnh - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
11	Lò Hải Đăng	2019		MGL A	Thái	Lò Văn Minh	Bản Mến - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
12	Phùng Thị Hồng Giang		2019	MGL A	Thái	Phùng Văn Chung	Hồng Lạnh - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
13	Lò Gia Hưng	2019		MGL A	Thái	Lò Văn Dịch	Hồng Lạnh - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
14	Lò Thị Thúy Hạnh		2019	MGL A	Thái	Lò Văn Phòng	Hồng Lạnh - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
15	Lò Thị Khánh Huyền	2019		MGL A	Thái	Lò Văn Toàn	Hồng Lạnh - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
16	Lương Thị Quỳnh Hương		2019	MGL A	Thái	Lò Thị Hà Văn	Phiêng Ban - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
17	Lò Anh Khoa	2019		MGL A	Thái	Lò Văn Hối	Bản Nà Lốm- Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
18	Cà Tuấn Khải	2019		MGL A	Thái	Cà Văn Chung	Bản Nà Lốm- Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
19	Lương Minh Khang	2019		MGL A	Thái	Lương Văn Công	Bản Hua Nả - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
20	Lò Hoàng Lâm	2019		MGL A	Thái	Lò Thị Thu	Pom Khoang - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mở cối, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
18	Lương Văn Đạt	2020	Lương Thị Phi	160.000	Cận nghèo	4	640	
19	Lò Minh Khôi	2020	Lò Thị Tên (Bà ngoại)	160.000	BDBKK	4	640	
20	Lò Ngọc Linh	2021	Quảng Thị Diên	160.000	BDBKK	4	640	
21	Quảng Minh Trang	2021	Quảng Thu Thảo	160.000	Xã KV3	4	640	
22	Lò Ngọc Tuấn Vĩ	2021	Lương Thị Tiên	160.000	Xã KV3	4	640	
23	Lương Văn Hoàng	2021	Quảng Thị Hồng	160.000	Hộ nghèo	4	640	
24	Lò Minh Huệ	2021	Lò Thị Vĩ	160.000	Hộ nghèo	4	640	
25	Quảng Khôi Nguyễn	2021	Lò Thị Uôm	160.000	Hộ nghèo	4	640	
26	Lò Thanh Trúc	2021	Lương Ngọc Ánh	160.000	Bản DBKK	4	640	
27	Phạm Chấn Hưng	2021	Phạm Quốc Đăng	160.000	Bản DBKK	4	640	
28	Vĩ Thị Ngọc Uyên	2020	Vĩ Văn Thuận	160.000	DBKK	4	640	
29	Quảng T Khánh An	2020	Lương Thị Thu	160.000	DBKK	4	640	
30	Quảng Phúc Hưng	2020	Lò Thị Kiên	160.000	DBKK	4	640	
31	Lò Nhật Vương	2020	Cầm Thị Hiền	160.000	DBKK	4	640	
32	Lò Đức Dương	2020	Lương Thị Thêm	160.000	DBKK	4	640	
33	Lương Minh Thư	2020	Lò Thị Mai	160.000	Xã khu vực III	4	640	
34	Quảng Minh Khải	2021	Quảng Thị Hồng	160.000	DBKK	4	640	
35	Cà Nhật Minh	2021	Quảng Thị Yên	160.000	DBKK	4	640	
36	Lò Quỳnh Trang	2021	Lý Thị Hạc	160.000	DBKK	4	640	
37	Vĩ Bích Trần Anh	2021	Lò Thị Loan	160.000	DBKK	4	640	
38	Lò Gia Hưng	2021	Lò Thị Tiết	160.000	DBKK	4	640	
39	Lê Quang Huy	2021	Hà Thị Sinh	160.000	Cận nghèo	4	640	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đổi tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số thân g	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
45	Lò Minh Khôi	2019		Lớn B	Thái	Lò Thị Hiền	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
46	Lò Thị Thu Nhân		2019	Lớn B	Thái	Lò Thị Vân	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
47	Vì An Na Trà My		2019	Lớn B	Thái	Lò Thị Phong	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
48	Lò Ngọc Ánh Dương		2019	Lớn B	Thái	Lò Thị Minh	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
49	Lò Đức Phúc	2019		Lớn B	Thái	Quảng Thị Diên	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
50	Lò Cẩm Diệp		2019	Lớn B	Thái	Lò Thị Thiệt	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
51	Lương T Bảo Ngư		2019	Lớn B	Thái	Lò Thị Chân	B giảng Co Ké - Thanh Nưa	100%	40.000	4	160.000
52	Lò Diệu Linh		2019	Lớn B	Thái	Lương Thị Thủy	Bản Tông Khao-Thanh.Nưa	100%	40.000	4	160.000
53	Lương Gia Bảo	2019		Lớn B	Thái	Pòng Thị Nhiên	Bản Tông Khao-Thanh.Nưa	100%	40.000	4	160.000
54	Tòng Quỳnh Diệp		2019	Lớn B	Thái	Tòng Thị Lưu	Bản Tông Khao-Thanh.Nưa	100%	40.000	4	160.000
55	Lương Nguyệt Linh		2019	Lớn B	Thái	Cà Thị xuân	Bản Tông Khao-Thanh.Nưa	100%	40.000	4	160.000
56	Lò Bảo Long	2019		Lớn B	Thái	Quảng Thị Nội	Bản Tông Khao-Thanh.Nưa	100%	40.000	4	160.000
57	Lò Cẩm Ly		2019	Lớn B	Thái	Lò Thị Lan	Bản Tông Khao-Thanh.Nưa	100%	40.000	4	160.000
58	Tòng Anh Minh	2019		Lớn B	Thái	Lò Thị Xiên	Bản Tông Khao-Thanh.Nưa	100%	40.000	4	160.000
59	Vì Gia Hân		2019	Lớn B	Thái	Lương Thị Ngân	Bản Co Pao-Xã Thanh.Nưa	100%	40.000	4	160.000
60	Cà Thị Ngọc		2019	Lớn B	Thái	Lò Thị Thỉnh	Bản Co Pao-Xã Thanh.Nưa	100%	40.000	4	160.000
61	Lương Thanh Nhân		2019	Lớn B	Thái	Lò Thị Thủy	Thanh Bình Co Róm-T.Nưa	100%	40.000	4	160.000
62	Lò Uyên Nhi		2019	Lớn B	Thái	Tòng Thị Mai	Thanh Bình Co Róm-T.Nưa	100%	40.000	4	160.000
63	Hoàng Bảo Trâm		2019	Lớn B	Kinh	Vì Thị Khuyên	Thanh Bình Co Róm-T.Nưa	100%	40.000	4	160.000
64	Lò Thị Khánh Chi		2019	Lớn B	Thái	Lương Thị Thủy	Thanh Bình Co Róm-T.Nưa	100%	40.000	4	160.000
65	Vũ Mai Tâm		2019	Lớn B	Kinh	Lò Thị Mai Quỳnh	P Him Lam-TP DBP	100%	40.000	4	160.000
66	Cả Việt Anh	2019		Lớn B	Thái	Lò Thị Mai Xinh	Bản Cháng-Quai Tô-TGiao	100%	25.000	4	100.000
67	Phạm Kiều Trang		2019	Lớn B	Kinh	Vì Thị Hà	T Đại Thanh-Noong Luống	100%	40.000	4	160.000
68	Lò Thanh Mai		2019	Lớn B	Khor Mú	Lò Thị Vi	B Nậm Ma-X Pú Hồng-DBD	100%	25.000	4	100.000

STT	Họ và tên Học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tạng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số thân g	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
69	Hà Khánh Vân		2020	MG Nhỡ TT	Thái	Hà Văn Chiêng	Bản Xôm, Nà Tấu, Tp.ĐBP	70%	40.000	4	112.000
70	Lương Văn Đạt	2020		MG Nhỡ TT	Thái	Lương Thị Phú	Thôn Độc Lập, Thanh Nua,	50%	40.000	4	80.000
71	Lò Minh Khôi	Nam		MGN Hà Thanh	Thái	Lò Thị Tân (Bà ngoại)	B Mường pôn 2, Mường pôn	70%	25.000	4	70.000
72	Lò Ngọc Linh		2021	Bé TT	Thái	Quảng Thị Diên	Bản giảng, co ké - Xã T. Nua	70%	40.000	4	112.000
73	Quảng Minh Trang		2021	Bé TT	Thái	Quảng Thu Thảo	Bản Tàu - Xã Hua Thanh	70%	25.000	4	70.000
74	Lò Ngọc Tuấn Vĩ	2021		Bé TT	Thái	Lương Thị Tiễn	Bản Bông Ban, Tuấn Giáo	70%	25.000	4	70.000
75	Lương Văn Hoàng	2021		Bé TT	Thái	Quảng Thị Hồng	Bản Mến - Thanh Nua	100%	40.000	4	160.000
76	Lò Minh Huệ		2021	Bé TT	Khơ mú	Lò Thị Vĩ	Bản Năm Ma, Pú Hồng ĐBD	100%	25.000	4	100.000
77	Quảng Khôi Nguyễn	2021		Mẹ bé HT	Thái	Lò Thị Uóm	Bản Co Pao, Thanh Nua	100%	40.000	4	160.000
78	Lò Thanh Trúc		2021	Mẹ bé HT	Thái	Lương Ngọc Ánh	Bản Mường Lạn, xã Mường Lạn, sốp cốp, Sơn La	70%	25.000	4	70.000
79	Phạm Chấn Hưng	2021		Mẹ bé HT	Kinh	Phạm Quốc Đăng	Bản Nà Hỷ, xã Nà Hỷ, Huyện Nậm Pồ, Điện Biên	70%	25.000	4	70.000
80	Vĩ Thị Ngọc Uyên		2020	MGG Nà Lốm	Thái	Lò Thị Đại	B giảng Co Ké - Thanh Nua	70%	40.000	4	112.000
81	Quảng T Khánh An		2020	MGG Nà Lốm	Thái	Lương Thị Thu	B giảng Co Ké - Thanh Nua	70%	40.000	4	112.000
82	Quảng Phúc Hưng	2020		MGG Nà Lốm	Thái	Lò Thị Kiên	B giảng Co Ké - Thanh Nua	70%	40.000	4	112.000
83	Lò Nhật Vương	2020		MGG Nà Lốm	Thái	Lò Văn Quân	B giảng Co Ké - Thanh Nua	70%	40.000	4	112.000
84	Lò Đức Dương	2020		MGG Nà Lốm	Thái	Lương Thị Thêm	B giảng Co Ké - Thanh Nua	70%	40.000	4	112.000
85	Lương Minh Thư		2020	MGG Nà Lốm	Thái	Lò Thị Mai	Bản Xôm - Xã Phu Luông	70%	25.000	4	70.000
86	Quảng Minh Khải	2021		MGG Nà Lốm	Thái	Quảng Thị Hồng	B giảng Co Ké - Thanh Nua	70%	40.000	4	112.000
87	Cả Nhật Minh	2021		MGG Nà Lốm	Thái	Quảng Thị Yên	B giảng Co Ké - Thanh Nua	70%	40.000	4	112.000
88	Lò Quỳnh Trang		2021	MGG Nà Lốm	Thái	Lý Thị Hắc	B giảng Co Ké - Thanh Nua	70%	40.000	4	112.000
89	Vĩ Bích Trần Anh		2021	MGG Nà Lốm	Thái	Lò Thị Loan	B giảng Co Ké - Thanh Nua	70%	40.000	4	112.000
90	Lò Gia Hưng	2021		MGG Nà Lốm	Thái	Lò Thị Tiết	B giảng Co Ké - Thanh Nua	70%	40.000	4	112.000
91	Lê Quang Huy	2021		MGG Nà Lốm	Kinh	Hà Thị Sinh	Bản Nà Lốm, Thanh Nua	50%	40.000	4	80.000